

**VĂN BẢN HỢP NHẤT -
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**THÔNG TƯ****Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của
tổ chức tín dụng phi ngân hàng**

Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động mà các tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thường xuyên duy trì, bao gồm:

a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

b) Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng;

c) Tỷ lệ khả năng chi trả;

d) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;

đ)² Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;

e) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần.

¹ Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

2. Căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn chặt chẽ hơn so với các mức quy định tại Thông tư này.

3.³ Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không phải tuân thủ quy định tại các điều 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan tại Thông tư này.

4.⁴ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng hỗ trợ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là bên nhận chuyển giao bắt buộc không bị hạn chế về tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định liên quan tại Thông tư này.

5. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng tham gia tài trợ các chương trình, dự án theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc xem xét nguồn vốn, dư nợ của từng chương trình, dự án khi xác định giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn thực hiện theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.⁵ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoản phải đòi* gồm các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; khoản đầu tư vào giấy tờ có giá; các khoản cho vay, cho thuê tài chính, bao thanh toán, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá, cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; khoản ủy thác cho vay và ủy thác cho thuê tài chính; các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng.

2. *Khách hàng* trong quan hệ cấp tín dụng với tổ chức tín dụng phi ngân hàng (sau đây gọi là khách hàng) là tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân, các chủ thể khác theo quy định của pháp luật dân sự.

Một khách hàng là một tổ chức hoặc một cá nhân hoặc một chủ thể khác theo quy định của pháp luật dân sự.

3. *Kinh doanh bất động sản* là việc bỏ vốn đầu tư tạo lập, xây dựng, sửa chữa, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua nhằm mục đích sinh lợi.

4. *Nợ thứ cấp* là khoản nợ theo thỏa thuận chủ nợ chỉ được thanh toán sau tất cả nghĩa vụ, khoản nợ có bảo đảm hoặc không bảo đảm khác khi đơn vị vay nợ bị phá sản, giải thể.

5. *Lợi thế thương mại* là phần chênh lệch dương giữa số tiền mua một tài sản tài chính và giá trị sổ sách kế toán của tài sản tài chính đó mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải trả phát sinh từ giao dịch có tính chất mua lại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật. Tài sản tài chính này được phản ánh đầy đủ trên bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

6. *OECD* là tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (Organization for Economic Cooperation and Development).

7. *Tổ chức tài chính quốc tế* gồm:

a) Nhóm ngân hàng thế giới gồm: Ngân hàng Quốc tế về Tái thiết và Phát triển (The International Bank for Reconstruction and Development - IBRD), Công ty tài chính quốc tế (The International Financial Company - IFC), Hiệp hội Phát triển quốc tế (The International Development Association - IDA), Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương (The Multilateral Investment Guarantee Agency - MIGA);

- b) Ngân hàng Phát triển Châu Á (The Asian Development Bank - ADB);
- c) Ngân hàng Phát triển Châu Phi (The African Development Bank - AfDB);
- d) Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (The European Bank for Reconstruction and Development - EBRD);
- đ) Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ (The Inter-American Development Bank - IADB);
- e) Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (The European Investment Bank - EIB);
- g) Quỹ đầu tư Châu Âu (The European Investment Fund - EIF);
- h) Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (The Nordic Investment Bank - NIB);
- i) Ngân hàng Phát triển Caribbean (The Caribbean Development Bank -CDB);
- k) Ngân hàng Phát triển Hồi giáo (The Islamic Development Bank - IDB);
- l) Ngân hàng Phát triển cộng đồng Châu Âu (The Council of Europe Development Bank - CEDB);
- m) Tổ chức tài chính quốc tế khác có vốn điều lệ do chính phủ các nước đóng góp.

8.⁶ (*được bãi bỏ*)

9. *Giấy tờ có giá* là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ giữa tổ chức phát hành giấy tờ có giá với người sở hữu giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác. Giấy tờ có giá bao gồm trái phiếu, tín phiếu, công trái, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác.

10. *Cấp tín dụng* là việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng chịu rủi ro theo quy định của pháp luật.

⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

11. *Tổng mức dư nợ cấp tín dụng* bao gồm tổng số dư nợ cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, tổng mức đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (trừ trái phiếu đặc biệt, trái phiếu phát hành trực tiếp cho tổ chức tín dụng bán nợ để mua nợ xấu theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam), các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả dư nợ cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng chịu rủi ro theo quy định của pháp luật); hạn mức cho vay chưa giải ngân, hạn mức thẻ tín dụng, số dư bảo lãnh ngân hàng và số dư các khoản ủy thác cho tổ chức tín dụng khác cho vay, cho thuê tài chính.

12.⁷ *Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp* là việc mua, nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp nhận làm tài sản bảo đảm, chiết khấu, tái chiết khấu).

13.⁸ *(được bãi bỏ)*

14.⁹ *(được bãi bỏ)*

15. *Không thể hủy ngang* là việc không thể hủy bỏ hoặc thay đổi dưới bất kỳ hình thức nào đối với những cam kết đã được thiết lập, trừ trường hợp phải hủy bỏ hoặc thay đổi theo quy định của pháp luật.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

16. *Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu* là việc Tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹⁰ cấp tín dụng hoặc ủy thác cấp tín dụng theo quy định của pháp luật cho khách hàng để khách hàng hoặc pháp nhân, cá nhân khác sử dụng nguồn vốn vào mục đích đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, sở hữu cổ phần.

17. *Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp* là việc Tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹¹ cấp tín dụng hoặc ủy thác cấp tín dụng theo quy định của pháp luật cho khách hàng để khách hàng hoặc pháp nhân, cá nhân khác sử dụng nguồn vốn vào mục đích đầu tư, kinh doanh, sở hữu trái phiếu doanh nghiệp.

18.¹² *(được bãi bỏ)*

19. *Tổ chức tài chính* là tổ chức được quy định theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

20. *Tổ chức tài chính nhà nước* là tổ chức tài chính quy định tại khoản 19 Điều này do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

21. *Tổ chức tài chính ở nước ngoài* là tổ chức tài chính được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

22. *Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng* được tính bằng tổng số dư khoản mục Tổng Nợ phải trả trên cân đối tài khoản kế toán cuối mỗi ngày trong tháng chia cho tổng số ngày trong tháng.

¹⁰ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

¹¹ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

¹² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

23. *Giao dịch mua, bán có kỳ hạn* là giao dịch mà một tổ chức tín dụng phi ngân hàng mua và nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán (bên mua) từ một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác (bên bán), đồng thời bên bán cam kết sẽ mua lại giấy tờ có giá đó sau một khoảng thời gian nhất định.

24. *Tỷ giá* để tính toán các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn tại Thông tư này (sau đây gọi là *tỷ giá*) được quy định như sau:

a) Tỷ giá quy đổi các loại ngoại tệ sang đồng Việt Nam:

(i) Vào ngày làm việc không phải ngày làm việc cuối tháng, cuối quý, cuối năm: áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ giá hạch toán tại Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;

(ii) Vào ngày làm việc là ngày làm việc cuối tháng, cuối quý, cuối năm: áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ giá quy đổi Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng, quý, năm bằng ngoại tệ ra đồng Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng đồng tiền hạch toán là đồng Việt Nam hoặc tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ ra đồng Việt Nam đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng đồng tiền hạch toán là ngoại tệ tại Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng;

b) Tỷ giá quy đổi các loại ngoại tệ khác sang đô la Mỹ do tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định.

Điều 4. Quy định nội bộ

1.¹³ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải ban hành Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan, trong đó tối thiểu phải có nội dung sau:

a) Tiêu chí xác định một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; chính sách tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan; quy định về

¹³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

nguyên tắc phân cấp, ủy quyền việc quyết định, phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan;

b) Quy định về việc phân tán rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng; phương pháp theo dõi, quản lý và việc phê duyệt, quyết định cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan ở mức từ 1% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trở lên. Các quy định này phải đảm bảo công khai, minh bạch giữa khâu thẩm định, cấp tín dụng và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa người thẩm định, người quyết định cấp tín dụng và khách hàng là người có liên quan của những người này;

c) Nguyên tắc, chỉ tiêu đánh giá, xác định mức độ rủi ro cấp tín dụng đối với các đối tượng khách hàng, lĩnh vực mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng ưu tiên hoặc hạn chế cấp tín dụng làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh hằng năm;

d) Việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm gia hạn nợ và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) phải được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, không xung đột lợi ích và không che giấu chất lượng tín dụng, trong đó người quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là người quyết định khoản cấp tín dụng đó, trừ trường hợp việc cấp tín dụng do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua. Trường hợp việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thông qua cơ chế hội đồng thì ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là thành viên của Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng;

đ) Quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp; cấp tín dụng để kinh doanh bất động sản; cấp tín dụng cho dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

e) Quy định về cấp tín dụng đối với Giám đốc, Phó giám đốc của chi nhánh, đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, d và điểm đ khoản này. Việc xác định các chức danh tương đương thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải ban hành Quy định nội bộ về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, được xây dựng trên

nguyên tắc quản lý rủi ro đối với tài sản, căn cứ vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ rủi ro trong hoạt động, xem xét đến chu kỳ kinh doanh, khả năng thích ứng với rủi ro và chiến lược kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Nội dung của Quy định này phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan, trong đó tối thiểu phải có nội dung sau:

a) Quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế phân cấp, ủy quyền và chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận quản lý đối với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

b) Các nguyên tắc, chính sách, quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, báo cáo và trao đổi thông tin về rủi ro để tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

c) Các quy định về quản lý cơ cấu vốn tự có và tài sản phải đánh giá được: mức độ và xu hướng của các rủi ro, tác động của rủi ro đến yêu cầu vốn tự có để bù đắp rủi ro; quy mô và chất lượng vốn tự có, khả năng chịu đựng rủi ro từ các yếu tố vĩ mô, khả năng tiếp cận nguồn vốn bổ sung vốn tự có, kể cả khả năng hỗ trợ tài chính từ các cổ đông khi cần thiết để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; nghĩa vụ cấp vốn đối với các công ty con và công ty liên kết; mục tiêu vốn tự có trong ngắn hạn và dài hạn, dự kiến chi phí bổ sung vốn tự có và giải pháp thực hiện mục tiêu vốn tự có. Các quy định về quản lý cơ cấu vốn tự có và tài sản gồm:

(i) Quy trình và phương pháp theo dõi, đánh giá quy mô, cấu phần, chất lượng vốn tự có và danh mục tài sản;

(ii) Hệ thống quản lý an toàn vốn tối thiểu;

(iii) Quy định về cảnh báo sớm, trong đó xác định rõ các dấu hiệu để sớm nhận dạng rủi ro, nguy cơ dẫn đến suy giảm tỷ lệ an toàn vốn và việc giám sát, báo cáo theo quy định;

(iv) Phương án xử lý để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và hợp nhất, trong đó phải có quy định về:

- Biện pháp quản lý, phát triển vốn tự có và tài sản để ứng phó với trường hợp suy giảm hoặc vi phạm quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

- Trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và sự phối hợp của các bộ phận, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng phương án, biện pháp xử lý, ứng phó với trường hợp suy giảm hoặc vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu.

3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải ban hành Quy định nội bộ về quản lý thanh khoản theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan, trong đó tối thiểu phải có nội dung sau:

a) Quy định về việc phân cấp, ủy quyền, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận liên quan trong việc quản lý tài sản Có, tài sản Nợ và việc bảo đảm duy trì tỷ lệ khả năng chi trả, thanh khoản;

b) Quy trình, thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản, giới hạn kiểm soát chênh lệch kỳ hạn tài sản Có, tài sản Nợ trên cơ sở dòng tiền vào, dòng tiền ra quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

c) Các nguyên tắc, chính sách, quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro về khả năng chi trả, thanh khoản; các tiêu chí cảnh báo sớm về rủi ro thiếu hụt khả năng chi trả, thanh khoản và các phương án xử lý;

d) Kế hoạch và biện pháp nắm giữ các loại giấy tờ có giá có khả năng thanh khoản cao;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đối với việc duy trì tỷ lệ khả năng chi trả, thanh khoản;

e) Mô hình đánh giá và thử nghiệm khả năng chi trả, thanh khoản, trong đó có các phân tích tình huống khả năng chi trả, tính thanh khoản có thể xảy ra. Phân tích tình huống phải đảm bảo:

(i) Phân tích tình huống tối thiểu gồm hai trường hợp:

- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong điều kiện hoạt động bình thường;
- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong điều kiện gặp khó khăn về khả năng chi trả, thanh khoản.

(ii) Phân tích tình huống phải đảm bảo thể hiện được các nội dung sau:

- Khả năng thực hiện các nghĩa vụ và cam kết hàng ngày;
- Các biện pháp xử lý để có đủ khả năng đáp ứng quy định về khả năng chi trả.

4. Các Quy định nội bộ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung định kỳ ít nhất một năm một lần.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Quy định nội bộ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính các Quy định

nội bộ được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

Điều 5. Hệ thống công nghệ thông tin

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải có hệ thống công nghệ thông tin được kết nối toàn hệ thống để thực hiện các quy định tại Thông tư này, đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

1. Lưu giữ, truy cập, bổ sung cơ sở dữ liệu về khách hàng, thị trường, bảo đảm quản lý rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Thống kê, theo dõi, quản lý dòng tiền, các khoản mục vốn, tài sản, nợ phải trả; tính toán, quản lý, giám sát các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

3. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

GIÁ TRỊ THỰC CỦA VỐN ĐIỀU LỆ VÀ XỬ LÝ KHI GIÁ TRỊ THỰC CỦA VỐN ĐIỀU LỆ GIẢM THẤP HƠN MỨC VỐN PHÁP ĐỊNH

Điều 6. Giá trị thực của vốn điều lệ

1. Giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng là giá trị còn lại của vốn điều lệ được xác định theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 và cách tính quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Nguyên tắc xác định giá trị thực của vốn điều lệ:

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng tính giá trị còn lại của vốn điều lệ khi:

a) Trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật;

b) Tính đầy đủ các khoản thu nhập và chi phí theo quy định của pháp luật để xác định kết quả kinh doanh.

3. Cách tính giá trị thực của vốn điều lệ:

Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần, cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán.

4. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thường xuyên theo dõi, đánh giá giá trị thực của vốn điều lệ và định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) giá trị thực của vốn điều lệ như sau:

a) Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có kỳ lập báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12:

Chậm nhất đến ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm cuối ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12;

b) Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kỳ lập báo cáo tài chính năm không kết thúc vào ngày 31 tháng 12:

Chậm nhất đến ngày 15 của tháng đầu tiên kỳ kế toán quý thứ nhất và kỳ kế toán quý thứ ba, tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày cuối cùng của kỳ kế toán quý liền kề trước đó;

c) Trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo nêu tại điểm a và điểm b Khoản này chưa bao gồm các bút toán điều chỉnh của kiểm toán độc lập (nếu có), tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung vào kỳ lập báo cáo tài chính tiếp theo.

Điều 7. Xử lý khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định

1. Khi giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng giảm thấp hơn mức vốn pháp định, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải:

a) Xây dựng và tự triển khai thực hiện phương án xử lý để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

b) Trong thời gian tối đa 30 ngày khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, phải có văn bản báo cáo phương án xử lý và cam kết thực hiện phương án gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Giá trị thực của vốn điều lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

(ii) Nguyên nhân giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định;

(iii) Các biện pháp bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;

c) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Các biện pháp Ngân hàng Nhà nước áp dụng để xử lý khi giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng giảm thấp hơn vốn pháp định:

a) Đánh giá, kiểm tra, thanh tra hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện kiểm toán độc lập để xác định giá trị thực của vốn điều lệ tại phương án xử lý do tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các biện pháp xử lý của tổ chức tín dụng phi ngân hàng khi giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định nêu tại phương án quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp cần thiết;

c) Giám sát, thanh tra việc tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp tại phương án xử lý, bao gồm cả các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

d) Tùy theo mức độ giảm giá trị thực của vốn điều lệ so với mức vốn pháp định, Ngân hàng Nhà nước quyết định cụ thể các biện pháp xử lý sau đây đối với từng tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

(i) Các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân hàng Nhà nước khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm xuống dưới 80% mức vốn pháp định;

(ii) Áp dụng các biện pháp cơ cấu lại theo quy định của pháp luật, thu hồi giấy phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng nếu tổ chức tín dụng phi ngân hàng có giá trị thực của vốn điều lệ thấp dưới 50% mức vốn pháp định hoặc giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định liên tục trong thời gian 6 tháng mặc dù đã có phương án xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

VỐN TỰ CÓ VÀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN TỐI THIỂU

Điều 8. Vốn tự có

Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và Vốn cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu phản ánh mức đủ vốn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cơ sở giá trị vốn tự có và mức độ rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thường xuyên duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất.

b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ: Từng tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ 9%.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ (\%)} = \frac{\text{Vốn tự có riêng lẻ}}{\text{Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ}} \times 100\%$$

Trong đó:

- Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

- Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ là tổng giá trị các tài sản Có nội bảng được xác định theo mức độ rủi ro và giá trị tài sản Có nội bảng tương ứng của cam kết ngoại bảng được xác định theo mức độ rủi ro theo quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

c) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹⁴ có công ty con, ngoài việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ theo quy định tại điểm b Khoản này phải đồng thời duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất 9%.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (\%)} = \frac{\text{Vốn tự có hợp nhất}}{\text{Tổng tài sản Có rủi ro hợp nhất}} \times 100\%$$

Trong đó:

- Vốn tự có hợp nhất được xác định theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

¹⁴ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

- Tổng tài sản Có rủi ro hợp nhất được xác định theo quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

Mục 3 **HẠN CHẾ, GIỚI HẠN CẤP TÍN DỤNG**

Điều 10. Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng¹⁵

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng căn cứ vốn tự có riêng lẻ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này tại cuối ngày làm việc gần nhất để xác định hạn chế, giới hạn cấp tín dụng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 11. Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹⁶ chỉ được cấp tín dụng với thời hạn đến 01 (một) năm cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp và khi cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc cấp tín dụng phải đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;

b) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%;

c) Tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

¹⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

¹⁶ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹⁷ không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bảo đảm là trái phiếu do tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;

b) Tài sản bảo đảm là trái phiếu của doanh nghiệp mà khách hàng vay để mua trái phiếu của doanh nghiệp đó;

c) Khách hàng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng¹⁸;

d) Khách hàng là người có liên quan của các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng¹⁹;

đ) Khách hàng là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng²⁰, khách hàng là người có liên quan của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng²¹;

¹⁷ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

¹⁸ Cụm từ “Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 16 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

¹⁹ Cụm từ “Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 16 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²⁰ Cụm từ “Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 17 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²¹ Cụm từ “Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 17 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

- e)²² Để đầu tư trái phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- g) Để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp của doanh nghiệp là công ty con của chính Tổ chức tín dụng phi ngân hàng²³ đó;
- h) Khách hàng là công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) không được vượt quá 5% vốn điều lệ của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng²⁴.

Điều 12. Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng²⁵ chỉ được cấp tín dụng với thời hạn đến 01 (một) năm cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu và khi cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Việc cấp tín dụng phải đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;
- b) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%;

²² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²³ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²⁴ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²⁵ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

c) Tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng²⁶ không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bảo đảm là cổ phiếu của tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng;

b) Tài sản bảo đảm là cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành mà khách hàng vay để mua cổ phiếu của doanh nghiệp đó;

c) Để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu của tổ chức tín dụng;

d) Khách hàng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng²⁷;

đ) Khách hàng là người có liên quan của các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng²⁸;

²⁶ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²⁷ Cụm từ “Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 16 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

²⁸ Cụm từ “Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 16 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

e) Khách hàng là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng²⁹, khách hàng là người có liên quan của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng³⁰;

g) Khách hàng là công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu của công ty tài chính không được vượt quá 5% vốn điều lệ của Tổ chức tín dụng phi ngân hàng³¹.

Điều 13. Quản lý cấp tín dụng³²

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng quản lý hoạt động cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và Quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng được thực hiện như sau:

a) Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua các khoản cấp tín dụng cho người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng có

²⁹ Cụm từ “Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 17 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

³⁰ Cụm từ “Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi bổ sung)” được thay bằng cụm từ “Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 17 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

³¹ Cụm từ “Công ty tài chính” được thay bằng cụm từ “Tổ chức tín dụng phi ngân hàng” theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

³² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 09/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng đó có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên hoặc mức khác thấp hơn theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải báo cáo cho:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phát sinh đến thời điểm lấy số liệu để họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên;

b) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người quản lý, người điều hành khi phát sinh khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Ngân hàng Nhà nước về các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.

(Xem tiếp Công báo số 875 + 876)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng